

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THAIHOLDINGS**

Mẫu số 01-B
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 14/2025/CBTT-THD

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Thaiholdings thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) Quý 2.2025 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thaiholdings
 - Mã chứng khoán: THD
 - Địa chỉ: Số 210 Đường Trần Quang Khải, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
 - Điện thoại liên hệ/Tel: (84-24) 3968 9898. Fax: (84-24) 3525 9898.
 - Email: info@thaiholdings.com.vn. Website: <https://thaiholdings.com.vn/>
2. Nội dung thông tin công bố:
 - BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025
 - ☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - ☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
 - Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
 - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☐ Không
 - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):
 - ☐ Có ☒ Không
 - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
 - ☐ Có ☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/..8../2025 tại đường dẫn: <https://thaiholdings.com.vn/quan-he-co-dong/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Không có.
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): Không có.
- Ngày hoàn thành giao dịch: Không có.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Vũ Ngọc Đình

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025



Tháng 08 năm 2025

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	9 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Chí Kiên	Chủ tịch
Bà Trần Thị Thanh Giang	Thành viên độc lập
Ông Vũ Ngọc Định	Thành viên
Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Vũ Thanh Huệ	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Ngọc Định	Tổng Giám đốc
Bà Vũ Thanh Huệ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Quyết Tiến	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thu Vân	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên
Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30/06/2025 có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng: sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng: Công ty đã tuân thủ và không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Vũ Ngọc Định
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Số: 881/2025/UHY-BCSX

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thaiholdings

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thaiholdings (Sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 11/08/2025, từ trang 05 đến trang 35 kèm theo, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2025, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ



Phạm Gia Đạt
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán số: 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.696.968.310.185	1.713.791.495.124
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	14.571.427.466	68.290.609.155
Tiền	111		14.571.427.466	68.290.609.155
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.673.700.870.321	1.634.803.392.404
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	107.460.388.918	123.690.932.520
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.160.775.000	3.325.896.083
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	1.555.000.000.000	1.450.200.000.000
Các khoản phải thu khác	136	9	8.173.006.403	57.679.863.801
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(93.300.000)	(93.300.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.696.012.398	10.697.493.565
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	4.788.083.008	5.835.421.208
Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.907.929.390	4.862.072.357
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.782.714.954.405	2.745.870.096.901
Các khoản phải thu dài hạn	210		92.666.972.038	92.666.972.038
Phải thu dài hạn khác	216	9	92.666.972.038	92.666.972.038
Tài sản cố định	220		217.717.138	236.458.228
Tài sản cố định hữu hình	221	13	191.236.291	207.463.381
- Nguyên giá	222		490.946.091	490.946.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(299.709.800)	(283.482.710)
Tài sản cố định vô hình	227	12	26.480.847	28.994.847
- Nguyên giá	228		50.310.000	50.310.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(23.829.153)	(21.315.153)
Tài sản dở dang dài hạn	240	10	17.917.376.633	17.917.376.633
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		17.917.376.633	17.917.376.633
Đầu tư tài chính dài hạn	250	14	2.577.555.717.512	2.532.738.653.217
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1.800.000.000.000	1.800.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		805.739.620.000	779.489.620.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(28.183.902.488)	(46.750.966.783)
Tài sản dài hạn khác	260		94.357.171.084	102.310.636.785
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	94.357.171.084	102.310.636.785
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		4.479.683.264.590	4.459.661.592.025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		116.491.368.573	146.088.388.141
Nợ ngắn hạn	310		106.843.204.844	138.116.817.852
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	82.337.179.710	100.779.244.856
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	6.710.070
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	12.804.847.723	21.503.427.645
Phải trả người lao động	314		837.852.788	1.126.741.493
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		191.241.700	351.437.362
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	17	6.569.805.481	7.624.437.398
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	3.105.857.800	5.550.333.386
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		996.419.642	1.174.485.642
Nợ dài hạn	330		9.648.163.729	7.971.570.289
Phải trả dài hạn khác	337	18	9.648.163.729	7.971.570.289
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	19	4.363.191.896.017	4.313.573.203.884
Vốn chủ sở hữu	410		4.363.191.896.017	4.313.573.203.884
Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.849.999.720.000	3.849.999.720.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu	411a		3.849.999.720.000	3.849.999.720.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		(248.500.000)	(248.500.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		11.488.684.620	11.488.684.620
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		501.951.991.397	452.333.299.264
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		452.333.299.264	368.137.837.781
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		49.618.692.133	84.195.461.483
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		4.479.683.264.590	4.459.661.592.025

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025

Nguyễn Thị Hồng
Người lập biểu

Ngô Quyết Tiến
Kế toán trưởng




Vũ Ngọc Định
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	554.429.601.825	519.309.839.777
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	28.140.536.613	24.201.848.541
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		526.289.065.212	495.107.991.236
Giá vốn hàng bán	11	23	514.707.985.928	483.423.665.272
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.581.079.284	11.684.325.964
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	45.884.997.905	39.775.449.917
Chi phí tài chính	22	25	(18.567.064.295)	(21.481.034.950)
Chi phí bán hàng	25	26	1.066.163.745	601.963.608
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	11.947.821.625	13.054.071.470
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		63.019.156.114	59.284.775.753
Thu nhập khác	31	27	-	440.499.029
Chi phí khác	32	28	770.656.351	770.148.409
Lợi nhuận khác	40		(770.656.351)	(329.649.380)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62.248.499.763	58.955.126.373
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	12.629.807.630	11.975.069.981
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		49.618.692.133	46.980.056.392
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	129	122
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	129	122

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025


Nguyễn Thị Hồng
Người lập biểu


Ngô Quyết Tiến
Kế toán trưởng






Vũ Ngọc Định
Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận trước thuế	01		62.248.499.763	58.955.126.373
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		18.741.090	53.423.219
Các khoản dự phòng	03		(18.567.064.295)	(21.481.035.001)
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(49.156)	(86.886)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(45.884.948.749)	(40.215.862.060)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(2.184.821.347)	(2.688.434.355)
Tăng giảm các khoản phải thu	09		17.311.136.285	50.842.017.733
Tăng giảm hàng tồn kho	10		-	(778.690.434)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.725.399.553)	(43.481.939.902)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		9.000.803.901	6.661.513.443
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(21.501.427.645)	(26.274.128.175)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(18.099.708.359)	(15.719.661.690)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	2.000.000.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.555.000.000.000)	(1.308.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.450.200.000.000	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(26.250.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	1.285.200.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.430.477.514	11.124.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(35.619.522.486)	(20.988.876.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(53.719.230.845)	(36.708.537.690)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	68.290.609.155	70.560.185.038
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi	61		49.156	86.886
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5	14.571.427.466	33.851.734.234

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025


Nguyễn Thị Hồng
Người lập biểu


Ngô Quyết Tiến
Kế toán trưởng


Vũ Ngọc Định
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1. HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thaiholdings được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 0105202998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/03/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 21 ngày 23/07/2025.

Trụ sở chính của Công ty tại số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 3.849.999.720.000 VND (Ba nghìn tám trăm bốn mươi chín tỷ chín trăm chín mươi chín triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2025 là 29 người (tại 01/01/2025 là 32 người).

1.2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn lương thực, thực phẩm;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị phụ tùng trong lĩnh vực xây dựng;
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp;
- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ tòa nhà.

1.3. CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1. NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 năm dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2025 đến 30/06/2025.

2.2. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong Báo cáo tài chính này là đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1. TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính cho từ giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 được lập theo chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thaiholdings đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam trong việc lập Báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**3.2. HÌNH THỨC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025.

4.1. CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

4.2. ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4. CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty;
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.5. HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá hàng xuất kho đối với sản xuất kinh doanh được tính theo phương pháp giá thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

4.6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Tiền thuê đất: Thể hiện số tiền thuê đã được trả trước cho toàn bộ thời gian thuê 609,9 m² đất ở số 2B Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư giữa Công ty và Công ty CP Thương mại và Dịch vụ với tổng giá trị 29.700.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực đến hết thời hạn thuê đất của bên cho thuê kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi chấm dứt theo quy định của Pháp luật. Công ty đang thực hiện phân bổ tiền thuê đất trong thời gian 20 năm. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác: Bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí sửa chữa hoàn thiện văn phòng và các chi phí khác, được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước thuê hoạt động: Bao gồm chi phí thuê văn phòng, dịch vụ tòa nhà được trả trước tiền thuê để cho thuê lại và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian thuê.

4.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Số năm khấu hao
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20
- Máy móc, thiết bị	10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
- Tài sản cố định khác	04 - 05

4.8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Đây là các phần mềm phục vụ quản lý, được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính trong thời gian 10 năm.

4.9. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC KINH DOANH (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC hoặc thông báo từ BCC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nếu các đơn vị được đầu tư là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay: được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.11. NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.11. NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư, trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam và được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.13. DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4.13. DOANH THU (TIẾP)***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

4.14. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

4.15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.16. THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là 20%.

Lợi nhuận chịu thuế được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh sau khi đã điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ. Việc xác định lợi nhuận chịu thuế và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***4.17. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, các Công ty liên doanh liên kết, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát;
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Tiền mặt	775.682.175	605.894.853
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.795.745.291	67.684.714.302
	14.571.427.466	68.290.609.155

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV PVT	50.776.939.515	-	-	-
- Công ty Cổ phần Kaito	9.233.456.574	-	23.382.602.530	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tổng hợp Ninh Bình	5.806.854.491	-	7.445.608.025	-
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Thương mại Toàn Thắng	12.924.433.971	-	17.217.526.388	-
- Công ty TNHH MTV L2T	4.348.764.720	-	73.306.575.577	-
- Công ty TNHH MBS	22.252.244.371	-	-	-
- Các khách hàng khác	2.117.695.276	-	2.338.620.000	-
	107.460.388.918	-	123.690.932.520	-

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn				
- Công ty CP INNO	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
- Các đối tượng khác	460.775.000	(93.300.000)	625.896.083	(93.300.000)
	3.160.775.000	(93.300.000)	3.325.896.083	(93.300.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Naila (1)	363.000.000.000	-	293.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Ngọc Khánh An (2)	365.000.000.000	-	261.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Phan Uyên (3)	435.000.000.000	-	336.200.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Dịch vụ Trường Tuệ (4)	392.000.000.000	-	370.000.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thương mại Hoàng Ngân	-	-	190.000.000.000	-
	1.555.000.000.000	-	1.450.200.000.000	-

- (1): Theo Hợp đồng vay tiền số 03/2025/HĐV/THD-NAILA ngày 13/06/2025 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Xuất nhập khẩu Naila, số tiền 371 tỷ đồng (đã giải ngân 363 tỷ đồng), lãi suất 6%/năm, thời hạn 11 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 là giá trị các cổ phần tương ứng với giá trị là 459,5 tỷ đồng theo Thông báo tư vấn giá trị cổ phần/cổ phiếu số 447/2025/32406-01/TB-TRA ngày 10/06/2025 và số 447/2025/32506-01/TB-TRA ngày 10/06/2025 của Công ty thẩm định giá độc lập.
- (2): Theo Hợp đồng vay tiền số 01/2025/HĐV/THD-NKA ngày 11/06/2025 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Ngọc Khánh An, số tiền 365 tỷ đồng, lãi suất 6%/năm, thời hạn 11 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 là giá trị các cổ phần tương ứng với giá trị là 430,13 tỷ đồng theo Thông báo tư vấn giá trị cổ phần/cổ phiếu số 447/2025/32006-01/TB-TRA ngày 06/06/2025 và số 447/2025/32106-01/TB-TRA ngày 06/06/2025 của Công ty thẩm định giá độc lập.
- (3): Theo Hợp đồng vay tiền số 02/2025/HĐV/THD-PU ngày 12/06/2025 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Thương mại Phan Uyên, số tiền 435 tỷ đồng, lãi suất 6%/năm, thời hạn 11 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 là giá trị các cổ phần tương ứng với giá trị là 817,019 tỷ đồng theo Thông báo tư vấn giá trị cổ phần/cổ phiếu số 447/2025/32303-01/TB-TRA ngày 09/06/2025 của Công ty thẩm định giá độc lập.
- (4): Theo Hợp đồng vay tiền số 1006/2025/HĐV/THD-TT ngày 05/06/2025 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty và Công ty TNHH Thương mại đầu tư và Dịch vụ Trường Tuệ, số tiền 392 tỷ đồng, lãi suất 6%/năm, thời hạn 11 tháng, được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ 3 là giá trị các cổ phần tương ứng với giá trị là 463,18 tỷ đồng theo Thông báo tư vấn giá trị cổ phần/cổ phiếu số 447/2025/31806-01/TB-TRA ngày 04/06/2025 và số 447/2025/31906-01/TB-TRA ngày 04/06/2025 của Công ty thẩm định giá độc lập.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho năm giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	8.173.006.403	-	57.679.863.801	-
- Phải thu lãi cho vay	4.111.561.644	-	53.657.090.409	-
- Chiết khấu thương mại được hưởng	2.993.600.926	-	3.828.776.092	-
- Phải thu khác	1.067.843.833	-	193.997.300	-
Dài hạn	92.666.972.038	-	92.666.972.038	-
- Đặt cọc cho Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội (1)	86.588.163.729	-	86.588.163.729	-
- Phải thu theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh (2)	6.078.808.309	-	6.078.808.309	-
	100.839.978.441	-	150.346.835.839	-
Phải thu khác bên liên quan	92.666.972.038	-	92.666.972.038	-

Phải thu khác bên liên quan

(Chi tiết xem tại Thuyết minh số 34)

(1): Theo Phụ lục số 03 ngày 05/12/2021 và Phụ lục số 06 ngày 14/02/2023 kèm theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2019 về việc đặt cọc thuê văn phòng, Công ty Cổ phần Thaiholdings có nghĩa vụ đặt cọc thuê văn phòng và chuyển lại toàn bộ tiền đặt cọc nhận từ bên thứ ba (khách thuê lại) cho Công ty Cổ phần Tôn Đàn Hà Nội.

(2): Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28/2020/HĐ/KL-THD ngày 10/07/2020 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên và Công ty Cổ phần Thaiholdings về việc hợp tác thực hiện triển khai Dự án Tổ hợp công trình thương mại dịch vụ, khách sạn, văn phòng và căn hộ cho thuê tại số 5-7 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, thành phố Hà Nội:

- Thời hạn hợp tác kinh doanh kể từ ngày ký hợp đồng đến khi kết thúc thời hạn hoạt động của dự án theo hồ sơ được cơ quan nhà nước phê duyệt.
- Công ty Cổ phần Thaiholdings chịu trách nhiệm triển khai công tác chuẩn bị đầu tư và chịu mọi chi phí liên quan đến dự án trong quá trình thực hiện. Nếu dự án không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thì Công ty Cổ phần Thaiholdings sẽ tự chịu trách nhiệm mọi chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho năm giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

10. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn (*)	17.917.376.633	-	17.917.376.633	-
	17.917.376.633	-	17.917.376.633	-

(*): Chi phí thực hiện Dự án Khu phức hợp Kim Liên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 28/2020/HĐ/KL-THD ngày 10/07/2020 với Công ty CP Du lịch Kim Liên (xem tại thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Ngắn hạn	4.788.083.008	5.835.421.208
- Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (1)	4.770.049.157	5.770.236.960
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.739.194	5.047.529
- Chi phí chờ phân bổ khác	15.294.657	60.136.719
Dài hạn	94.357.171.084	102.310.636.785
- Chi phí thuê văn phòng tại 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (1)	81.210.407.192	88.376.031.356
- Chi phí thuê tại 2B Lê Phụng Hiểu (2)	13.103.685.535	13.873.498.063
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	29.694.843	46.209.843
- Chi phí chờ phân bổ khác	13.383.514	14.897.523
	99.145.254.092	108.146.057.993

(1): Theo Hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2020 với Công ty CP Tôn Đản Hà Nội, Công ty thực hiện cho thuê lại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê phụ thuộc vào giá cho thuê lại của Công ty.

(2): Tiền thuê lô đất ở số 2B Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 12/09/2014 với Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ với tổng giá trị 29.700.000.000 VND. Hợp đồng có hiệu lực đến hết thời hạn thuê đất kể từ ngày 12/09/2014, trừ khi chấm dứt theo quy định của Pháp luật. Công ty đang thực hiện phân bổ tiền thuê đất trong thời gian 20 năm.

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2025	50.310.000	50.310.000
30/06/2025	50.310.000	50.310.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2025	21.315.153	21.315.153
- Khấu hao trong kỳ	2.514.000	2.514.000
30/06/2025	23.829.153	23.829.153
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2025	28.994.847	28.994.847
30/06/2025	26.480.847	26.480.847

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2025	272.727.273	110.037.000	39.090.909	69.090.909	490.946.091
30/06/2025	272.727.273	110.037.000	39.090.909	69.090.909	490.946.091
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2025	139.728.000	46.648.656	28.015.145	69.090.909	283.482.710
- Khấu hao trong kỳ	6.816.000	5.502.000	3.909.090	-	16.227.090
30/06/2025	146.544.000	52.150.656	31.924.235	69.090.909	299.709.800
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2025	132.999.273	63.388.344	11.075.764	-	207.463.381
30/06/2025	126.183.273	57.886.344	7.166.674	-	191.236.291

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2025 là 69.090.909 VND (tại ngày 01/01/2025 là 69.090.909 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2025			01/01/2025		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào Công ty liên kết liên doanh	1.800.000.000.000	-		1.800.000.000.000	-	
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	1.800.000.000.000	-	(*)	1.800.000.000.000	-	(*)
Đầu tư vào đơn vị khác	805.739.620.000	(28.183.902.488)		779.489.620.000	(46.750.966.783)	
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	365.082.660.000	-	(*)	365.082.660.000	(1.140.554.999)	(*)
- Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	414.406.960.000	(24.804.205.787)	(*)	414.406.960.000	(45.610.411.784)	(*)
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis	26.250.000.000	(3.379.696.701)	(*)	-	-	

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này để Thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường của các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan chưa hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về Công ty liên kết của Công ty tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup	Ninh Bình	48,0%	48,0%	Kinh doanh thương mại và đầu tư bất động sản

Thông tin chi tiết về các Khoản đầu tư vào đơn vị khác của Công ty tại ngày 30/06/2025 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Du lịch Kim Liên	Hà Nội	17,2%	17,2%	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và du lịch
Công ty CP Tôn Đản Hà Nội	Hà Nội	19,52%	19,52%	Kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Genesis	Hà Nội	15%	15%	Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
- Công ty TNHH Bê tông KAITO Việt Nam	67.458.750.641	67.458.750.641	100.024.049.191	100.024.049.191
- Công ty TNHH MTV Xi măng Xuân Thành Quảng Nam	9.715.161.860	9.715.161.860	-	-
- Các đối tượng khác	5.163.267.209	5.163.267.209	755.195.665	755.195.665
	82.337.179.710	82.337.179.710	100.779.244.856	100.779.244.856
Phải trả người bán là các bên liên quan	1.129.438.976	1.129.438.976	-	-
(Chi tiết xem Thuyết minh số 34)				

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2025	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/khấu trừ trong kỳ	30/06/2025
	VND	VND	VND	VND
Phải nộp				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.501.427.645	12.629.807.630	21.501.427.645	12.629.807.630
- Thuế thu nhập cá nhân	2.000.000	234.783.970	227.295.133	9.488.837
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	827.756.280	662.205.024	165.551.256
- Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	843.823	843.823	-
	21.503.427.645	13.696.191.703	22.394.771.625	12.804.847.723

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGSSố 210, đường Trần Quang Khải,
phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Cho giai đoạn từ
01/01/2025 đến 30/06/2025**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu cho thuê văn phòng tại 17 Tông Dân và 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội	6.569.805.481	7.624.437.398
- Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV	5.283.114.364	5.133.946.555
- Các khách hàng khác	1.286.691.117	2.490.490.843
	6.569.805.481	7.624.437.398

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
Ngắn hạn	3.105.857.800	5.550.333.386
- Kinh phí công đoàn	6.431.250	6.860.150
- Bảo hiểm xã hội	51.345.250	-
- Bảo hiểm y tế	9.242.145	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	5.134.525	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	30.000.000	1.696.593.440
- Các khoản chiết khấu thương mại phải trả	2.993.600.926	3.828.776.092
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.103.704	18.103.704
Dài hạn	9.648.163.729	7.971.570.289
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	9.648.163.729	7.971.570.289
	12.754.021.529	13.521.903.675

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU**19.1. CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Từ 01/01/2025	Từ 01/01/2024
	đến 30/06/2025	đến 30/06/2024
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	3.849.999.720.000	3.849.999.720.000
- Vốn góp cuối kỳ	3.849.999.720.000	3.849.999.720.000

19.2. CỔ PHIẾU

	30/06/2025	01/01/2025
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu đã được đăng ký phát hành	384.999.972	384.999.972
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra	384.999.972	384.999.972
+ Cổ phiếu phổ thông	384.999.972	384.999.972
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	384.999.972	384.999.972
+ Cổ phiếu phổ thông	384.999.972	384.999.972

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (10.000 VND/CP)

19.3 CÁC QUỸ

	30/06/2025	01/01/2025
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	11.488.684.620	11.488.684.620

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

19.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
01/01/2024	3.849.999.720.000	(248.500.000)	11.488.684.620	369.060.349.561	4.230.300.254.181
- Lãi trong năm	-	-	-	84.195.461.483	84.195.461.483
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(922.511.780)	(922.511.780)
31/12/2024	3.849.999.720.000	(248.500.000)	11.488.684.620	452.333.299.264	4.313.573.203.884
01/01/2025	3.849.999.720.000	(248.500.000)	11.488.684.620	452.333.299.264	4.313.573.203.884
- Lãi trong kỳ	-	-	-	49.618.692.133	49.618.692.133
30/06/2025	3.849.999.720.000	(248.500.000)	11.488.684.620	501.951.991.397	4.363.191.896.017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

20. CÁC KHOẢN NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2025	01/01/2025
<i>Ngoại tệ các loại</i>		
- USD	68,23	68,23
- EUR	2,47	2,47

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Doanh thu bán hàng	525.040.337.010	488.933.005.062
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.389.264.815	30.376.834.715
	554.429.601.825	519.309.839.777
Doanh thu đối với các bên liên quan (Chi tiết xem Thuyết minh số 34)	611.160.000	1.314.186.380

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	28.140.536.613	24.201.848.541
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	28.140.536.613	24.201.848.541

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Giá vốn bán hàng hóa đã bán	493.919.175.337	461.179.638.257
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	20.788.810.591	22.244.027.015
	514.707.985.928	483.423.665.272

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	45.884.948.749	14.575.328.831
- Lãi bán các khoản đầu tư	-	25.200.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	34.200
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	49.156	86.886
	45.884.997.905	39.775.449.917

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	(18.567.064.295)	(21.481.035.001)
	(18.567.064.295)	(21.481.034.950)

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	11.947.821.625	13.054.071.470
- Chi phí nhân viên quản lý	3.264.244.508	3.871.590.520
- Chi phí đồ dùng văn phòng	32.079.666	103.206.699
- Khấu hao tài sản cố định	11.925.090	18.741.090
- Thuế, phí, lệ phí	588.205.082	833.057.482
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.875.271.662	8.033.996.727
- Chi phí khác bằng tiền	176.095.617	193.478.952
Các khoản chi phí bán hàng	1.066.163.745	601.963.608
- Chi phí nhân viên bán hàng	1.066.163.745	601.963.608
	13.013.985.370	13.656.035.078

27. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Thanh lý TSCĐ	-	440.499.029
	-	440.499.029

28. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
- Tiền thuê đất	769.812.528	769.812.528
- Tiền chậm nộp và phạt vi phạm hành chính	843.823	335.881
	770.656.351	770.148.409

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.248.499.763	58.955.126.373
Các khoản điều chỉnh tăng	900.538.385	920.257.732
- Chi phí thuê đất không hợp lý hợp lệ	769.812.528	769.812.528
- Khấu hao của xe ô tô dưới 9 chỗ vượt trên 1,6 tỷ	-	22.209.323
- Tiền phạt chậm nộp, phạt hành chính về thuế	843.823	-
- Thù lao thành viên HĐQT không chuyên trách	120.000.000	120.000.000
- Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	9.882.034	8.235.881
Các khoản điều chỉnh giảm	-	34.200
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	34.200
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ	63.149.038.148	59.875.349.905
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	12.629.807.630	11.975.069.981

30. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**30.1. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.618.692.133	46.980.056.392
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	49.618.692.133	46.980.056.392
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	384.999.972	384.999.972
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	129	122

30.2. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	49.618.692.133	46.980.056.392
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	49.618.692.133	46.980.056.392
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	384.999.972	384.999.972
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	129	122

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***31. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Chi phí nguyên vật liệu	32.079.666	103.206.699
Chi phí nhân công	4.330.408.253	5.252.244.562
Khấu hao tài sản cố định	18.741.090	53.423.219
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.657.266.253	29.464.651.179
Chi phí bằng tiền khác	764.300.699	1.026.536.434
	33.802.795.961	35.900.062.093

CÔNG TY CỔ PHẦN THAIHOLDINGS

Số 210, đường Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp. Do vậy, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:
Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí phân bổ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**Tài sản không phân bổ theo bộ phận****Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận**

Thương mại VND	Cung cấp dịch vụ VND	Cộng VND
496.899.800.397	29.389.264.815	526.289.065.212
496.899.800.397	29.389.264.815	526.289.065.212
493.919.175.337	20.788.810.591	514.707.985.928
2.980.625.060	8.600.454.224	11.581.079.284
		13.013.985.370
		(1.432.906.086)
		45.884.997.905
		(18.567.064.295)
		-
		770.656.351
		12.629.807.630
		49.618.692.133
		4.479.683.264.590
		116.491.368.573

32. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024

Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài

Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chi phí phân bổ

Kết quả kinh doanh theo bộ phận

Các chi phí không theo bộ phận

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động tài chính

Chi phí tài chính

Thu nhập khác

Chi phí khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**Tài sản không phân bổ theo bộ phận****Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận**

Thương mại VND	Cung cấp dịch vụ VND	Cộng VND
464.731.156.521	30.376.834.715	495.107.991.236
464.731.156.521	30.376.834.715	495.107.991.236
461.179.638.257	22.244.027.015	483.423.665.272
3.551.518.264	8.132.807.700	11.684.325.964
		13.656.035.078
		(1.971.709.114)
		39.775.449.917
		(21.481.034.950)
		440.499.029
		770.148.409
		11.975.069.981
		46.980.056.392
		4.329.584.324.262
		53.226.525.469

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**Thuê hoạt động**

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Tiền thuê hoạt động ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ	26.713.862.875	28.098.928.450

Theo hợp đồng nguyên tắc cho thuê văn phòng số 1903/2019/HĐCTVP/TĐ-THS ngày 19/03/2020 với Công ty Cổ phần Tôn Đản Hà Nội, Công ty thuê tại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội. Thời gian thuê là 15 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Giá thuê phụ thuộc vào giá cho thuê lại của Công ty.

Cho thuê

Công ty thực hiện cho thuê lại Tòa nhà văn phòng làm việc và cho thuê tại địa chỉ 17 Tông Đản và 210 Trần Quang Khải, phường Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

34. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập và tiền lương của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

		Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
	Chức vụ	VND	VND
- Ông Nguyễn Chí Kiên	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Bà Trần Thị Thanh Giang	Thành viên độc lập HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Ông Vũ Ngọc Định	Thành viên HĐQT	323.840.000	403.720.000
	Tổng Giám đốc		
- Ông Phan Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	30.000.000	30.000.000
- Bà Vũ Thanh Huệ	Thành viên HĐQT	318.520.000	318.240.001
	Phó Tổng Giám đốc		
- Ông Đặng Văn Thắng	Phó Tổng Giám đốc	288.800.000	277.680.001
- Ông Ngô Quyết Tiến	Phó Tổng Giám đốc	306.280.000	346.600.000
	kiêm Kế toán trưởng		
- Bà Nguyễn Thu Vân	Trưởng Ban Kiểm soát	215.714.000	185.640.000
		44.913.190	196.866.937
- Bà Dư Thị Hải Yến	Thành viên BKS		
- Bà Bùi Thị Thanh Nhân	Thành viên BKS	111.954.000	100.494.782

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

34. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Ngoài các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát, các bên liên quan khác với Công ty:

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1	Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup (Thaingroup)	Công ty liên kết Bên liên quan với người nội bộ
2	Công ty CP Du lịch Kim Liên	Công ty liên kết Bên liên quan với người nội bộ
3	Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội	Công ty liên kết Bên liên quan với người nội bộ
4	Công ty CP Enclave Phú Quốc	Bên liên quan với người nội bộ
5	Công ty CP Phát triển Bất động sản Thaihomes	Bên liên quan với người nội bộ

Giao dịch với các bên liên quan

	Từ 01/01/2025 đến 30/06/2025 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND
Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	611.160.000	1.314.186.380
- Tổng Công ty CP Bảo hiểm LPBank	-	382.452.380
- Công ty CP Enclave Phú Quốc	-	320.574.000
- Công ty CP Phát triển Bất động sản Thaihomes	611.160.000	611.160.000
Mua hàng hóa, dịch vụ	19.870.945.074	24.061.488.988
- Công ty CP - Tập đoàn Thaingroup - CN Hà Nội	97.222.222	194.444.444
- Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội	19.753.288.408	23.858.318.618
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	20.434.444	8.725.926

Số dư với các bên liên quan

	30/06/2025 VND	01/01/2025 VND
Phải thu khác	92.666.972.038	92.666.972.038
- Công ty CP Du lịch Kim Liên	6.078.808.309	6.078.808.309
- Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội	86.588.163.729	86.588.163.729
Phải trả người bán	1.129.438.976	-
- Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội	1.129.438.976	-
Chi phí phải trả	191.241.700	193.997.300
- Công ty CP Tôn Đàn Hà Nội	191.241.700	193.997.300

35. THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 06/2025/NQ-HĐQT/THD ngày 23/06/2025 về việc thông qua việc sử dụng tài sản đảm bảo thuộc quyền sở hữu của Công ty là 849.450 cổ phần Công ty Cổ phần Du lịch Kim Liên để đảm bảo cho khoản vay của bên thứ ba.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 của Công ty đã được kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 của Công ty đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2025



Nguyễn Thị Hồng
Người lập biểu



Ngô Quyết Tiến
Kế toán trưởng



Vũ Ngọc Định
Tổng Giám đốc

